

Số: 58/2022/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 25 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 96/2022/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 182/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1989.

ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Anh **Ngô Văn L**, sinh năm 1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- Người được anh L ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1989. ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Chị H, anh L đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Bản tự khai; Giấy ủy quyền; Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn L cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1 (nay là xã H), huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/9/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và hay xảy ra tranh cãi. Năm 2020 chị đưa các con về nhà đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Năm 2021, anh L đi lao động tại Đài Loan, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị H, anh L cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Minh H1, sinh ngày 21/5/2011 và Ngô Quỳnh A, sinh ngày 08/7/2016, hiện các con đang ở với chị H. Anh, chị thống nhất giao hai con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Anh L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đ/1con/1tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh L cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định tài liệu, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với lệ phí giải quyết việc dân sự, chị H tự nguyện chịu cả lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Anh Ngô Văn L hiện đang sinh sống tại Đài Loan nên anh ủy quyền cho chị Nguyễn Thị H thay anh giao, nhận các tài liệu tại Tòa án. Chị H nhất trí nhận ủy quyền của anh L. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị H đã thông báo cho anh L biết, anh L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Do điều kiện công việc nên chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn L không trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án được anh, chị đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị H, anh L là Ngô Minh H1 có nguyện vọng được ở với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn L. Giao hai con chung Ngô Minh H1 và Ngô Quỳnh A cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung hàng tháng là 2.000.000đ/1con/1tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn L có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh L hiện đang lao động tại Đài Loan, chị H hiện đang cư trú tại thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết, chị H, anh L đều đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh L không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đúng tên Ngô Văn L trên các tài liệu này. Kết quả giám định cho thấy, chữ ký đúng tên Ngô Văn L trong các tài liệu trên so với chữ ký trong Giấy chứng nhận kết hôn và đơn xin giải quyết vắng mặt của anh L là của cùng một người. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà anh L gửi về đúng là ý chí, nguyện vọng của anh L.

Do các bên đương sự đều đề nghị xin được vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn L được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1 (nay là xã H), huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/9/2010, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Sau khi anh L đi lao động tại Đài Loan, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay chị H, anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và anh L.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh L thống nhất giao cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Ngô Minh H1, sinh ngày 21/5/2011 và Ngô Quỳnh A, sinh ngày 08/7/2016 cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Anh L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung hàng tháng là 2.000.000đ/1con/1tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Con chung Ngô Minh H1 có nguyện vọng được ở với chị H. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh L cùng xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tự nguyện chịu cả lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn L.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn L, giao con chung Ngô Minh H1, sinh ngày 21/5/2011 và Ngô Quỳnh A, sinh ngày 08/7/2016 cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh L cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung hàng tháng là 2.000.000đ/1con/1tháng kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Ngô Văn L không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu cả 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0000045 ngày 07/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường